

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày: 28-01-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Ngọc Thương

2. Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền - Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 425/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HPT ngày 13 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Minh T, chức vụ: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật; Ông Châu Thành T, chức vụ: Chuyên viên Phòng Quản lý nợ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26-01-2021) (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: 459/20 T, Phường X, thành phố V, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-7-2020 và các lần làm việc tại Tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 25-9-2013, anh Nguyễn Tuấn A có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A hợp đồng tín dụng trả góp số LHP.01.250913/UIIL với số tiền vay là

284.000.000đ (hai trăm tám mươi bốn triệu đồng) trong thời hạn 60 tháng (kể từ ngày 25-9-2013 đến 25-9-2018), mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất thỏa thuận là 10%/năm tính trên số tiền vay ban đầu, lãi suất vay quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phí phạt do trễ hạn là 200.000đ/kỳ trễ. Ngày 25-9-2013, Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay vào tài khoản của anh Tuấn A tại Ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, tính đến ngày 04-9-2018, anh Tuấn A đã thanh toán cho Ngân hàng 246.666.650đ (hai trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi đồng) tiền gốc và 118.333.350đ (một trăm mười tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm năm mươi đồng) tiền lãi suất. Đến ngày 25-9-2018, khoản nợ vay của anh Tuấn A đến kỳ đáo hạn nhưng anh Tuấn A không thanh toán hết nên ngày 26-9-2018, dư nợ còn lại chuyển sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 28-01-2021, anh Tuấn A còn nợ Ngân hàng 75.848.895đ (bảy mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm chín mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc là 37.333.350đ (ba mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm năm mươi đồng), nợ lãi trong hạn là 23.666.670đ (hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi đồng); phí trễ 10 kỳ là 2.000.000đ (hai triệu đồng) và lãi quá hạn là 12.848.895đ (mười hai triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm chín mươi lăm đồng).

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ayêu cầu anh Nguyễn Tuấn A phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ trên, đồng thời anh Tuấn A phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 29-01-2021 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc.

Bị đơn – anh Nguyễn Tuấn A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đối chiếu quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Akhởi kiện anh Nguyễn Tuấn A về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ văn bản xác minh của Tòa án nhân dân

thành phố Vũng Tàu tại Công an Phường 7, thành phố Vũng Tàu thì tại địa chỉ 459/20 Trương Công Định, Phường 7, thành phố Vũng Tàu, hiện nay không có ai tên Nguyễn Tuấn A cư trú. Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của anh Tuấn A theo địa chỉ được ghi trong Hợp đồng tín dụng nên được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc của người bị kiện”. Trong vụ án này, anh Tuấn A thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng mà không thông báo cho ngân hàng biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định nên được coi là cố tình giấu địa chỉ, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ, đúng pháp luật, xác định địa chỉ của anh Tuấn A là số 459/20 Trương Công Định, Phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa thì thấy: bị đơn – anh Tuấn A đã được Tòa án đã tổng đạt, niêm yết giấy báo hợp lệ yêu cầu đến Tòa để làm việc, hòa giải, xét xử, tuy nhiên anh Tuấn A vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Tuấn A.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc anh Nguyễn Tuấn A phải thanh toán số tiền 75.848.895đ (bảy mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm chín mươi lăm đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng trả góp số LHP.01.250913/UIIL ký ngày 25-9-2013 giữa Ngân hàng và anh Tuấn A về việc thỏa thuận vay số tiền 284.000.000đ (hai trăm tám mươi bốn triệu đồng) trong thời hạn 60 tháng (kể từ ngày 25-9-2013 đến 25-9-2018), mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất thỏa thuận là 10%/năm tính trên số tiền vay ban đầu, lãi suất vay quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phí phạt do trễ hạn là 200.000đ/kỳ trễ. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng tín dụng đã ký phù hợp với các quy định tại các Điều 122 và Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, hợp đồng tín dụng nêu trên có hiệu lực pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết.

Căn cứ bảng sao kê giao dịch vay của khách hàng Nguyễn Tuấn A thể hiện từ ngày 10-10-2013 đến ngày 04-9-2018, anh Tuấn A đã thanh toán cho Ngân hàng 246.666.650đ (hai trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi đồng) tiền gốc và 118.333.350đ (một trăm mười tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm năm mươi đồng) tiền lãi suất. Từ ngày 05-9-2018, anh Tuấn A không thanh toán thêm khoản tiền nào cho Ngân hàng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các tài liệu chứng cứ do

nguyên đơn cung cấp và triệu tập bị đơn đến làm việc liên quan đến việc sử dụng hạn mức tín dụng và thanh toán nợ tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong vụ án để giải quyết. Như vậy, có căn cứ xác định anh Tuấn A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của mình.

Tính đến ngày 12-9-2018, anh Tuấn A còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 37.333.350đ (ba mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm năm mươi đồng), nợ lãi trong hạn là 23.666.670đ (hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi đồng); phí trễ 10 kỳ (từ tháng 11-2017 đến tháng 9-2018) là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Từ ngày 25-9-2018, số dư nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn, vì vậy số tiền lãi quá hạn anh Tuấn A còn nợ tạm tính đến ngày 28-01-2021 là: $37.333.350đ * 150\% * 10\% / \text{năm} * 826 \text{ ngày} = 12.848.895đ$ (mười hai triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm chín mươi lăm đồng).

Căn cứ các điều khoản của Hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng yêu cầu anh Tuấn A phải thanh toán toàn bộ dư nợ thẻ quá hạn là có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đối với anh Nguyễn Tuấn A; buộc anh Tuấn A phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 75.848.895đ (bảy mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm chín mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc là 37.333.350đ (ba mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm năm mươi đồng), nợ lãi trong hạn là 23.666.670đ (hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi đồng); phí trễ 10 kỳ là 2.000.000đ (hai triệu đồng) và lãi quá hạn là 12.848.895đ (mười hai triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm chín mươi lăm đồng).

[2.2] Đối với yêu cầu buộc anh Tuấn A phải trả khoản tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 29-01-2021 đến khi thanh toán hết nợ gốc:

Yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, anh Tuấn A phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 29-01-2021 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Tuấn A phải chịu toàn bộ án phí là 3.792.445 (ba triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn bốn trăm bốn mươi lăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu.

Buộc anh Nguyễn Tuấn A phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu số tiền 75.848.895đ (bảy mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm chín mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc là 37.333.350đ (ba mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm năm mươi ba đồng), nợ lãi trong hạn là 23.666.670đ (hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi đồng); phí trễ 10 kỳ là 2.000.000đ (hai triệu đồng) và lãi quá hạn là 12.848.895đ (mười hai triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 29-01-2021, anh Nguyễn Tuấn A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Tuấn A phải nộp 3.792.445 (ba triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn bốn trăm bốn mươi lăm đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu số tiền 1.700.000đ (một triệu bảy trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008157 ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (người vắng mặt cũng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hồng Lợi

